QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT
TỔ CHỨC CƠ QUAN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Điều tra viên và các chức danh khác trong điều tra hình sự; quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát trong hoạt động điều tra hình sự; bảo đảm điều kiện cho hoạt động điều tra hình sự và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch, chuyên sâu, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tránh chồng chéo và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra kịp thời, nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

3. Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên; cá nhân chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

4. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ

quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Hệ thống Cơ quan điều tra

1. Cơ quan điều tra của Công an nhân dân.

2. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

Điều 4. Cơ quan điều tra của Công an nhân dân

1. Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tổ chức bộ máy các cơ quan điều tra của Công an nhân dân.

Điều 5. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân

1. Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng; Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương.

2. Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng; Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương; Cơ quan điều tra hình sự khu vực.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức bộ máy các cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Cơ quan điều tra

1. Tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, lập hồ sơ vụ việc.

2. Tiếp nhận vụ việc, vụ án do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển.

3. Tiến hành khởi tố, điều tra các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để phát hiện, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; lập hồ sơ vụ án, đề nghị truy tố.

4. Phát hiện nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức liên quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.

5. Cơ quan điều tra có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hoạt động điều tra hình sự bằng phương thức điện tử; lập, số hóa, quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng và chuyển giao hồ sơ vụ việc, vụ án điện tử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

b) Kết nối, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về điều tra hình sự và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; bảo đảm thông tin, dữ liệu

được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền.

Điều 7. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Các cơ quan của Bộ đội biên phòng được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: Cục trinh sát biên phòng; Cục phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn Trinh sát; Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng; Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng; Đồn biên phòng.

2. Các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biển được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển; Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Cục nghiệp vụ và pháp luật; Đoàn Trinh sát; Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy; Hải đoàn; Hải đội; Đội nghiệp vụ.

3. Các cơ quan của Hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục Kiểm tra sau thông quan; Hải quan khu vực; Hải quan cửa khẩu.

4. Các cơ quan của Kiểm lâm được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Chi cục Kiểm lâm vùng; Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh; Hạt Kiểm lâm.

5. Các cơ quan của Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Chi cục Kiểm ngư vùng.

6. Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm: Cục An ninh mạng, Cục Quản lý xuất nhập cảnh; các cục nghiệp vụ an ninh ở Bộ Công an; Phòng An ninh mạng, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; các phòng nghiệp vụ an ninh thuộc Công an cấp tỉnh; Cục Cảnh sát giao thông; Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Phòng Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; trại giam.

7. Các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: trại giam, đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm hoặc phát hiện hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh và điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và thực hiện hoạt động điều tra hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 9. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra hình sự

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này; phải phát hiện kịp thời và yêu cầu, kiến nghị Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra hình sự.

2. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; xem xét, giải quyết, trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động điều tra hình sự

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm, vụ việc, kiến nghị khởi tố; có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, quyết định và tạo điều kiện để Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, người có thẩm quyền điều tra hình sự thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động điều tra hình sự.

Khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền điều tra hình sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện và trả lời bằng văn bản trong thời hạn theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền điều tra hình sự; trường hợp không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ mà không có lý do chính đáng thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thông báo ngay cho Cơ quan điều tra mọi hành vi phạm tội xảy ra trong cơ quan và trong lĩnh vực quản lý; có quyền kiến nghị và gửi tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra để xem xét khởi tố đối với người có hành vi phạm tội.

3. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan, tổ chức, cá

nhân đã kiến nghị, tố giác, báo tin về tội phạm và phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người đã tố giác, báo tin về tội phạm, người làm chứng, người chứng kiến, bị hại và người thân thích của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án, nếu phát hiện văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ việc, vụ án có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thì cơ quan, người có thẩm quyền điều tra hình sự kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản đó.

Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền điều tra hình sự về kết quả xử lý.

Điều 11. Giám sát của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử đối với hoạt động điều tra hình sự

Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, người có thẩm quyền điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi trách nhiệm, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã yêu cầu, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc, vụ án; truy cứu trách nhiệm hình sự người không có hành vi phạm tội; không truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; ra quyết định trái pháp luật; ép buộc người khác làm trái pháp luật; can thiệp trái pháp luật vào hoạt động điều tra hình sự.

2. Bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.

4. Cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc

bào chữa, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

5. Chống đối, cản trở hoặc tổ chức, lôi kéo, xúi giục, kích động, cưỡng bức người khác chống đối, cản trở hoạt động điều tra hình sự; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người thi hành công vụ trong điều tra hình sự.

6. Truy cập, khai thác, sao chép, chuyển giao, sử dụng thông tin, dữ liệu, hồ sơ điện tử về điều tra hình sự không đúng thẩm quyền, không đúng mục đích hoặc vượt quá phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, cản trở, gây gián đoạn, phá hoại hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra hình sự.

8. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật điều tra, bí mật công tác, dữ liệu cá nhân hoặc thông tin khác được thu thập trong hoạt động điều tra hình sự; sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra hình sự vào mục đích trái pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố hoặc tội phạm liên quan đến nhiều quốc gia thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXII và Chương XXIII của Bộ luật Hình sự xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp khi các tội phạm đó thuộc

thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của các cơ quan thuộc lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra .

5. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức liên quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

6. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XII, Chương XXV và các tội phạm quy định tại các điều 192, 193, 270, 271, 272, 289, 290, 295, 296, 297, 301, 330, 331, 340, 341, 342 và 343 của Bộ luật Hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của các cơ quan của lực lượng An ninh nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

4. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh và báo cáo Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, xảy ra trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố hoặc tội phạm liên quan đến nhiều quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra đối với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của các cơ quan thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; hướng dẫn nghiệp vụ điều tra hình sự đối với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư.

4. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XIII đến Chương XXIII

của Bộ luật Hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân và Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân theo phân công của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, đối với Điều tra viên trung cấp, cao cấp là Trưởng hoặc Phó trưởng Công an cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã); hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của các cơ quan của lực lượng Cảnh sát nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp xã, đồn Công an trong việc tiếp nhận, kiểm tra xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm.

4. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức liên quan áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh và báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật này về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, xảy ra trên địa bàn nhiều quân khu và tương đương hoặc tội phạm liên quan đến nhiều quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh

điều tra của Quân đội nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXII và Chương XXIII của Bộ luật Hình sự xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương; hướng dẫn Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, các cơ quan khác của Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra theo thẩm quyền.

5. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

6. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Quân đội nhân dân.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XII, Chương XXV, các tội phạm quy định tại các điều 192, 193, 270, 271, 272, 289, 290, 295, 296, 297, 301, 330, 331, 340, 341, 342 và 343 của Bộ luật Hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự; tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự theo phân công của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về

tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương và báo cáo Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật này về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, xảy ra trên địa bàn nhiều quân khu và tương đương hoặc tội phạm liên quan đến nhiều quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra đối với các Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương, Cơ quan điều tra hình sự khu vực; hướng dẫn nghiệp vụ điều tra hình sự và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của Bộ đội Biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

4. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có

thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự quân khu và tương đương hoặc các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự khu vực nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự theo phân công của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra đối với Cơ quan điều tra hình sự khu vực; hướng dẫn các cơ quan khác của Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra theo thẩm quyền.

4. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương và báo cáo Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra hình sự khu vực

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về tội phạm quy định từ Chương XIII đến Chương XXIV của Bộ luật Hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự cùng cấp, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng.

3. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra hình sự khu vực và báo cáo Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Bộ đội biên phòng

1. Bộ đội biên phòng khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà phát hiện tội phạm quy định tại Chương XII và các điều 133, 134, 135, 136, 171, 172, 175, 176, 178, 192, 213, 221, 222, 228, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 295, 296, 297, 298, 301, 323, 330, 331, 339, 340, 341, 342 và 343 của Bộ luật Hình sự xảy ra trong khu vực biên giới trên đất liền, bờ biển, hải đảo và các vùng biển do Bộ đội biên phòng quản lý thì những người quy định tại khoản 2 Điều này có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, trưng cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến việc giải quyết, lấy lời khai, trưng cầu giám định khi cần thiết và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

c) Áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Cục trưởng Cục Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát có quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này đối với tội phạm quy định tại Chương XII của Bộ luật Hình sự.

Cục trưởng Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm có quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này đối với tội phạm quy định tại các điều 133, 134, 135, 136, 171, 172, 176, 192, 213, 228, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 296, 297, 301, 330, 331, 339, 340, 341, 342 và 343 của Bộ luật Hình sự.

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Đồn trưởng Đồn Biên phòng có quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này đối với tội phạm quy định tại Chương XII

và các điều 133, 134, 135, 136, 171, 172, 176, 192, 213, 228, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 296, 297, 301, 330, 331, 339, 340, 341, 342 và 343 của Bộ luật Hình sự.

Đồn trưởng Đồn Biên phòng đóng ở vùng sâu, vùng xa có quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Chính phủ quy định về Đồn Biên phòng thuộc vùng sâu, vùng xa.

3. Cục trưởng Cục Trinh sát, Cục trưởng Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Đồn trưởng Đồn Biên phòng trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra theo thẩm quyền; quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó; quyết định phân công hoặc thay đổi người thuộc cơ quan, đơn vị làm cán bộ điều tra trong việc điều tra vụ án hình sự, kiểm tra các hoạt động điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khi Cục trưởng Cục Trinh sát, Cục trưởng Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Đồn trưởng Đồn Biên phòng vắng mặt thì một cấp phó được ủy quyền thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản 2 Điều này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Cục trưởng Cục Trinh sát, Phó Cục trưởng Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm, Phó Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Phó Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Phó Đồn trưởng Đồn biên phòng có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Trinh sát biên phòng; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng; Đồn trưởng, Phó Đồn trưởng Đồn biên phòng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của lực lượng Cảnh sát biển

1. Các đơn vị thuộc lực lượng Cảnh sát biển khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà phát hiện tội phạm quy định tại Chương XII và các điều

171, 172, 213, 221, 222, 223, 228, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 260, 261, 270, 272, 295, 296, 297, 301, 303, 339, 340 và 341 của Bộ luật Hình sự xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do lực lượng Cảnh sát biển quản lý thì những người quy định tại khoản 2 Điều này có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, trưng cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến việc giải quyết, lấy lời khai, trưng cầu giám định khi cần thiết và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

c) Áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Hải đoàn trưởng, Hải đội trưởng và Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy có quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này đối với các tội phạm quy định tại các điều 236, 237, 238, 239, 240 và 241 của Bộ luật Hình sự.

3. Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Hải đoàn trưởng, Hải đội trưởng và Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển trực tiếp tổ chức, chỉ đạo các hoạt động điều tra theo thẩm quyền; quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó; quyết định phân công hoặc thay đổi người thuộc cơ quan, đơn vị làm cán bộ điều tra trong việc điều tra vụ án hình sự, kiểm tra các hoạt động điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khi Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm

ma túy, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Hải đoàn trưởng, Hải đội trưởng và Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển vắng mặt thì một cấp phó được ủy quyền thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Tư lệnh Cảnh sát biển, Phó Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy, Phó Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Phó Hải đoàn trưởng, Phó Hải đội trưởng và Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Tư lệnh, Phó Tư lệnh Cảnh sát biển; Tư lệnh vùng, Phó Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát; Hải đoàn trưởng, Phó Hải đoàn trưởng; Hải đội trưởng, Phó Hải đội trưởng; Đội trưởng, Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Hải quan

1. Cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà phát hiện tội phạm quy định tại các điều 171, 172 và 173 của Bộ luật Hình sự thì Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Trưởng Hải quan khu vực, Trưởng Hải quan cửa khẩu quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án khám người, khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát của Hải quan, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Trưởng Hải quan khu vực, Trưởng Hải quan cửa khẩu trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra, quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó; quyết định phân công hoặc thay đổi người thuộc cơ quan, đơn vị làm cán bộ điều tra trong việc điều tra vụ án hình sự, kiểm tra các hoạt động điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khi Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Trưởng Hải quan khu vực, Trưởng Hải quan cửa khẩu vắng mặt thì một cấp phó được ủy quyền thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và

trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Phó trưởng Hải quan khu vực, Phó trưởng Hải quan cửa khẩu có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan; Trưởng, Phó Trưởng Hải quan khu vực; Trưởng, Phó Trưởng Hải quan cửa khẩu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Kiểm lâm

1. Cơ quan Kiểm lâm khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà phát hiện tội phạm quy định tại các điều 218, 230, 231, 232, 305 và 338 của Bộ luật Hình sự thì Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra; quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó; quyết định phân công hoặc thay đổi người thuộc cơ quan, đơn vị làm cán bộ điều tra trong việc điều tra vụ án hình sự, kiểm tra các hoạt động điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khi Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm vắng mặt thì một cấp phó được ủy quyền thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Phó hạt trưởng Hạt Kiểm lâm có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục trưởng, Phó Chi

cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Kiểm ngư

1. Cơ quan Kiểm ngư khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà phát hiện tội phạm quy định tại các điều 95, 228, 231, 232, 233, 297 và 303 của Bộ luật Hình sự xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Kiểm ngư quản lý thì Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra; quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó; quyết định phân công hoặc thay đổi người thuộc cơ quan, đơn vị làm cán bộ điều tra trong việc điều tra vụ án hình sự, kiểm tra các hoạt động điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khi Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng vắng mặt thì một cấp phó được ủy quyền thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân

1. Trong khi làm nhiệm vụ, Cục An ninh mạng, Phòng An ninh mạng phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Công an nhân dân; Cục Quản lý xuất nhập cảnh, các cục nghiệp vụ an ninh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, các phòng nghiệp vụ an ninh Công an cấp tỉnh phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân; Cục Cảnh sát giao thông, Cục

Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trại giam phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an nhân dân thì Cục trưởng, Trưởng phòng, Giám thị của các cơ quan này có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Trường hợp người phạm tội trốn khỏi nơi giam, Giám thị trại giam ra quyết định truy nã và tổ chức lực lượng truy bắt người bỏ trốn theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Cục trưởng, Trưởng phòng, Giám thị quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra; quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó; quyết định phân công hoặc thay đổi người thuộc cơ quan, đơn vị làm cán bộ điều tra trong việc điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Khi Cục trưởng, Trưởng phòng, Giám thị vắng mặt thì một cấp phó được ủy quyền thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản 2 Điều này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Cục trưởng, Phó Trưởng phòng, Phó Giám thị có quyền áp dụng các biện pháp điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám thị, Phó Giám thị chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhân dân

1. Giám thị trại giam trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Trường hợp người phạm tội trốn khỏi nơi giam, Giám thị trại giam ra quyết định truy nã và tổ chức lực lượng truy bắt người bỏ trốn theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Khi Giám thị trại giam vắng mặt thì một cấp phó được ủy nhiệm thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

2. Cấp trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương khi phát hiện những hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, xảy ra trong khu vực đóng quân của đơn vị thì có quyền lập biên bản phạm tội quả tang, lấy lời khai, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội, áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Khi cấp trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương vắng mặt thì một cấp phó được ủy nhiệm thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Giám thị, Phó Giám thị, cấp trưởng, cấp phó đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Chương V

QUAN HỆ PHÂN CÔNG VÀ PHỐI HỢP TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Điều 29. Quan hệ giữa các cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Quan hệ giữa các cơ quan điều tra, giữa Cơ quan điều tra với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, giữa các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là quan hệ phân công và phối hợp theo quy định của Luật này.

2. Cơ quan điều tra có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan điều tra.

3. Cơ quan điều tra có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ vụ việc, vụ án do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển giao theo

thẩm quyền và thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan đã chuyển giao hồ sơ vụ việc, vụ án.

4. Đối với sự việc có dấu hiệu phạm tội mà chưa xác định rõ thẩm quyền điều tra thì Cơ quan điều tra nào phát hiện trước phải áp dụng ngay các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này; khi đã xác định được thẩm quyền điều tra thì chuyển vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra sau khi khởi tố vụ án hình sự, áp dụng biện pháp ngăn chặn theo thẩm quyền phải gửi ngay các quyết định đó cho Viện kiểm sát và thông báo cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền biết.

6. Các đơn vị Cảnh sát nhân dân, An ninh nhân dân, Kiểm soát quân sự có trách nhiệm hỗ trợ và thực hiện yêu cầu của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên và của cấp trưởng, cấp phó của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong hoạt động điều tra.

Điều 30. Uỷ thác điều tra

Khi cần thiết, Cơ quan điều tra có thể ủy thác cho Cơ quan điều tra khác tiến hành một số hoạt động điều tra. Quyết định ủy thác phải ghi rõ yêu cầu cụ thể. Cơ quan điều tra được ủy thác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ những việc được ủy thác theo thời hạn mà Cơ quan điều tra ủy thác yêu cầu.

Trong trường hợp Cơ quan điều tra được ủy thác không thể thực hiện được từng phần hoặc toàn bộ những việc ủy thác thì phải thông báo ngay bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Cơ quan điều tra đã ủy thác biết.

Điều 31. Quan hệ giữa đơn vị điều tra và đơn vị trinh sát

1. Quan hệ giữa đơn vị điều tra và đơn vị trinh sát là quan hệ gắn kết, phối hợp, hỗ trợ trong phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý và phòng ngừa tội phạm.

2. Trong quan hệ với đơn vị điều tra, đơn vị trinh sát có trách nhiệm sau đây:

a) Áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để phát hiện hành vi vi phạm pháp luật và cung cấp thông tin cho đơn vị điều tra để điều tra, xử lý;

b) Áp dụng biện pháp nghiệp vụ để hỗ trợ đơn vị điều tra tiến hành hoạt động điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ, ngăn chặn tội phạm và truy bắt người phạm tội;

c) Áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Phát hiện sơ hở, thiếu sót trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản

lý kinh tế để kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan có biện pháp khắc phục;

đ) Áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để hạn chế, loại trừ nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật.

3. Trong quan hệ với đơn vị trinh sát, đơn vị điều tra có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp thông tin về tội phạm và người phạm tội cho đơn vị trinh sát để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Phối hợp với đơn vị trinh sát đánh giá, xác định những sơ hở, thiếu sót trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế để kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan có biện pháp khắc phục;

c) Đánh giá nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm, phương thức, thủ đoạn phạm tội trong các vụ án hình sự để trao đổi, phối hợp với đơn vị trinh sát thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện tội phạm.

4. Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định việc áp dụng các biện pháp cần thiết trong phối hợp hoạt động giữa đơn vị điều tra và đơn vị trinh sát trong điều tra vụ án hình sự. Các biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được giữ bí mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 32. Trách nhiệm của cấp trưởng cơ quan Công an, Quân đội các cấp đối với hoạt động điều tra hình sự

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, cấp trưởng cơ quan Công an, Quân đội các cấp có liên quan đến tổ chức, hoạt động điều tra hình sự có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện đúng quy định của pháp luật để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên và các chức danh khác trong hoạt động điều tra hình sự.

2. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, kinh phí và điều kiện cần thiết khác cho hoạt động điều tra hình sự.

3. Chỉ đạo, tổ chức các lực lượng phối hợp, hỗ trợ cho hoạt động điều tra hình sự.

4. Tiến hành các hoạt động, biện pháp theo quy định của Luật Công an nhân dân, Luật An ninh quốc gia và pháp luật khác có liên quan để thu thập thông tin, tài liệu cần thiết hỗ trợ cho hoạt động điều tra hình sự.

5. Tổ chức lực lượng hỗ trợ các cơ quan tiến hành tố tụng trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thu thập chứng cứ và bảo vệ các hoạt động tố tụng hình sự.

6. Tiến hành các biện pháp theo quy định của pháp luật để ngăn ngừa các hành vi cản trở, làm sai lệch kết quả điều tra, xử lý vụ án hình sự.

Điều 33. Trách nhiệm của Công an cấp xã, Đồn Công an

1. Khi Công an cấp xã, Đồn công an tiếp nhận thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc bằng phương thức khác tố giác, báo tin về hành vi vi phạm pháp luật thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp xác định ngay là tố giác, tin báo về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo các tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

b) Trường hợp chưa thể xác định ngay đó là tố giác, tin báo về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận và tiến hành phân loại để xác định trong thời hạn 03 ngày kể từ khi tiếp nhận; nếu xác định là tố giác, tin báo về tội phạm thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp xác định không phải là tố giác, tin báo về tội phạm thì giải quyết theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp Công an cấp xã, Đồn Công an phát hiện, bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt người, lấy lời khai ban đầu, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật; giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an cấp trên trực tiếp hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Chương VI

THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐIỀU TRA, ĐIỀU TRA VIÊN VÀ CÁN BỘ ĐIỀU TRA

Điều 34. Điều tra viên

1. Điều tra viên là người được bổ nhiệm để làm nhiệm vụ điều tra hình sự.

2. Điều tra viên gồm có các ngạch sau đây:

a) Điều tra viên sơ cấp;

b) Điều tra viên trung cấp;

c) Điều tra viên cao cấp.

Điều 35. Tiêu chuẩn của Điều tra viên

1. Tiêu chuẩn chung của Điều tra viên:

a) Là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa;

b) Có trình độ đại học An ninh, đại học Cảnh sát hoặc cử nhân luật trở lên;

c) Có thời gian làm công tác pháp luật;

d) Đã được đào tạo về nghiệp vụ điều tra;

đ) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tiêu chuẩn của Điều tra viên sơ cấp

Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau đây thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên sơ cấp:

a) Có năng lực điều tra các vụ án thuộc loại tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng;

b) Có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của Cán bộ điều tra.

3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Điều tra viên trung cấp

Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau đây thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên trung cấp:

a) Đã là Điều tra viên sơ cấp;

b) Có năng lực điều tra các vụ án thuộc loại tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng;

c) Có khả năng chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động điều tra của Điều tra viên sơ cấp, Cán bộ điều tra.

4. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Điều tra viên cao cấp

Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau đây thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên cao cấp:

a) Đã là Điều tra viên trung cấp;

b) Có năng lực điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp;

c) Có khả năng chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động điều tra của Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp, Cán bộ điều tra ;

d) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm;

5. Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ của Cơ quan điều tra, người chưa được bổ nhiệm Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp có đủ năng lực điều tra, tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra thì có thể bổ nhiệm Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã hoặc người được bố trí giữ chức vụ Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra làm Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên cao cấp trong trường hợp đặc biệt.

6. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này

Điều 36. Nhiệm kỳ của Điều tra viên

Điều tra viên được bổ nhiệm lần đầu có thời hạn là 05 năm; trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì thời hạn là 10 năm.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo, điều hành, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác, quyết định các vấn đề về công tác của Cơ quan điều tra do mình làm Thủ trưởng; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tổng kết công tác điều tra hình sự của Cơ quan điều tra do mình làm Thủ trưởng và Cơ quan điều tra cấp dưới;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động nghiệp vụ điều tra của Cơ quan điều tra cấp dưới;

d) Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra; kiểm tra các hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Cán bộ điều tra;

đ) Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên; quyết định thay đổi Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên và cán bộ điều tra;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thể ủy quyền cho Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được ủy quyền.

Khi được ủy quyền, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra không được ủy quyền tiếp cho người khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền; không được giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của mình.

3. Khi điều tra vụ án hình sự, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên

1. Điều tra viên được tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh và các

hoạt động điều tra thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra.

2. Điều tra viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự khi được phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra.

3. Điều tra viên có trách nhiệm sau đây:

a) Áp dụng các biện pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật khác có liên quan để giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, xác định sự thật vụ việc, vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ;

b) Tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra;

c) Từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi trong các trường hợp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định;

d) Chấp hành quy định của pháp luật về những việc cán bộ, công chức hoặc cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân không được làm.

4. Điều tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra về hành vi, quyết định của mình.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã

1. Khi được Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh phân công tiến hành các hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng có tính chất đơn giản, chứng cứ rõ ràng xảy ra trên địa bàn cấp xã, Điều tra viên trung cấp, cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền sau:

a) Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự;

b) Quyết định phân công hoặc thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra; kiểm tra các hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự của Điều tra viên, Cán bộ điều tra; quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Điều tra viên bố trí tại Công an cấp xã;

c) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; quyết định khởi tố, không khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án; quyết định khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố bị can; quyết định nhập hoặc tách vụ án; quyết định ủy thác điều tra;

d) Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế;

đ) Quyết định truy nã, đình nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, xử lý vật chứng;

e) Quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, khai quật tử thi, thực nghiệm điều tra, thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định. Yêu cầu định giá, định giá lại tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá tài sản;

g) Trực tiếp kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm và tiến hành các biện pháp điều tra;

h) Kết luận điều tra vụ án;

i) Quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra vụ án, bị can;

k) Ra các lệnh, quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

2. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thể ủy quyền cho Điều tra viên trung cấp, cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng. Điều tra viên trung cấp, cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền.

Khi được ủy quyền, Điều tra viên trung cấp, cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã không được ủy quyền tiếp cho người khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền; không được giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với hành vi, quyết định của chính mình.

3. Điều tra viên trung cấp, cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 40. Những việc Điều tra viên không được làm

1. Những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức hoặc cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân không được làm.

2. Những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 12 của Luật này.

3. Tư vấn cho người bị tố giác, kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ việc, vụ án không đúng quy định của pháp luật.

4. Can thiệp vào việc giải quyết vụ việc, vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ việc, vụ án .

5. Đưa hồ sơ, tài liệu vụ việc, vụ án ra khỏi cơ quan nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền.

6. Tiếp người bị tố giác, kiến nghị khởi tố, bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ việc, vụ án mà mình có thẩm quyền giải quyết ngoài nơi quy định.

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Điều tra viên

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Điều tra viên trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định, trong Quân đội nhân dân do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

2. Điều tra viên đương nhiên được miễn nhiệm chức danh Điều tra viên khi nghỉ hưu, chuyển công tác khác.

Điều tra viên có thể được miễn nhiệm chức danh Điều tra viên vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điều tra viên đương nhiên bị mất chức danh Điều tra viên khi bị kết tội bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân, tước quân hàm sĩ quan Quân đội nhân dân.

4. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Điều tra viên có thể bị cách chức chức danh Điều tra viên nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra;

b) Vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật này;

c) Bị kỷ luật bằng hình thức cách chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

d) Vi phạm về phẩm chất đạo đức.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra

1. Điều tra viên cao cấp hoặc Điều tra viên trung cấp có năng lực tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra thì có thể được bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định, trong Quân đội nhân dân do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 43. Hạn tuổi phục vụ của Điều tra viên

1. Hạn tuổi phục vụ cao nhất của Điều tra viên là sĩ quan trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân thực hiện theo quy định của Luật Công an nhân dân, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Trường hợp Cơ quan điều tra của Công an nhân dân và trong Quân đội nhân dân có nhu cầu, nếu Điều tra viên có đủ phẩm chất, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe tốt và tự nguyện thì có thể được kéo dài tuổi phục vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nhưng không quá 62 tuổi đối với nam và 60 tuổi đối với nữ.

Điều 44. Cán bộ điều tra

1. Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan điều tra được quy định như sau:

a) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 35 của Luật này có thể được bổ nhiệm làm Cán bộ điều tra để giúp Điều tra viên thực hiện một số hoạt động điều tra hình sự;

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Cán bộ điều tra trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định, trong Quân đội nhân dân do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

2. Khi tiến hành điều tra vụ án, cán bộ điều tra được phân công giúp cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

3. Cán bộ điều tra chịu trách nhiệm trước Điều tra viên, Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Điều 45. Quản lý nhà nước về công tác điều tra hình sự

1. Chính phủ thống nhất quản lý về công tác điều tra hình sự, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về điều tra hình sự;

b) Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điều tra

hình sự;

c) Chỉ đạo phổ biến, giáo dục pháp luật về điều tra hình sự;

d) Đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ quy định về điều tra hình sự trái với quy định của Hiến pháp, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật này và pháp luật khác có liên quan;

đ) Quy định chế độ báo cáo về điều tra hình sự;

e) Hợp tác quốc tế về điều tra hình sự;

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu về điều tra hình sự.

2. Chính phủ quy định về phân công phạm vi quản lý nhà nước về điều tra hình sự và trách nhiệm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác điều tra hình sự.

Điều 46. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác điều tra hình sự

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân công tác trong các cơ quan điều tra được phong, thăng cấp bậc hàm lực lượng vũ trang nhân dân và hưởng chế độ, chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2. Điều tra viên, Cán bộ điều tra được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách, quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong công tác điều tra hình sự, tập thể, cá nhân có thành tích thì được khen thưởng, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; cá nhân bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Bảo đảm biên chế, đào tạo, bồi dưỡng trong công tác điều tra hình sự

1. Nhà nước bảo đảm biên chế cần thiết cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

2. Người làm công tác điều tra hình sự phải được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 48. Bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ hoạt động điều tra hình sự

1. Căn cứ yêu cầu công tác điều tra hình sự, địa bàn hoạt động và điều kiện kinh tế - xã hội, Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất của Cơ quan điều tra gồm có đất đai, trụ sở, công trình; trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, kỹ thuật nghiệp vụ và các điều kiện vật chất, kỹ thuật khác, nhất là đối với Cơ quan điều tra đóng ở vùng sâu, vùng xa, miền núi,

hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn trọng yếu về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Việc trang bị, quản lý sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng số và điều kiện kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra hình sự.

3. Trong trường hợp cấp thiết, để ngăn chặn hành động phạm tội, đuổi bắt người phạm tội, cấp cứu người bị nạn, Điều tra viên, cấp trưởng, cấp phó thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được huy động, sử dụng phương tiện giao thông, thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức và cá nhân, kể cả những người điều khiển phương tiện ấy, trừ phương tiện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và của những người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự và phải hoàn trả ngay khi tình huống cấp thiết không còn; trường hợp xảy ra thiệt hại thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động điều tra hình sự

Nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động điều tra hình sự. Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí cho hoạt động điều tra hình sự được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15

1. Bãi bỏ điểm g khoản 3 Điều 3.

2. Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 6.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 15 như sau:

"6. Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra; xử lý nghiêm minh Điều tra viên, Cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng."

4. Bãi bỏ Mục 5 Chương II gồm Điều 20 và Điều 21.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

"1. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ cho Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Giám định viên kỹ thuật hình sự, công chức khác và viên chức của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật."

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 42 như sau:

a) Bãi bỏ điểm c khoản 1;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; Giám định viên kỹ thuật hình sự; công chức khác, viên chức và người lao động khác."

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 50 như sau:

"3. Viện kiểm sát quân sự thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các mục 1, 2, 3, 4, 6, 8, 9 và 10 Chương II của Luật này và kiểm sát thi hành án dân sự quy định tại Điều 28 của Luật này."

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 52 như sau:

a) Bãi bỏ điểm c khoản 2;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Viện kiểm sát quân sự trung ương có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, quân nhân khác, công chức, viên chức và người lao động khác."

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Các chức danh tư pháp trong Viện kiểm sát nhân dân gồm có:

a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

b) Kiểm sát viên;

c) Kiểm tra viên.";

b) Bãi bỏ khoản 4.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 60 như sau:

"b) Biệt phái Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, quân nhân khác, công chức, viên chức của Viện kiểm sát quân sự đến làm việc ở cơ quan nhà nước hoặc đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ sau khi thống nhất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao."

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 63 như sau:

"5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm tra viên các ngạch."

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 69 như sau:

"c) Đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực; Kiểm sát viên của Viện kiểm sát quân sự;".

13. Bãi bỏ Mục 4 Chương IV gồm Điều 91 và Điều 92.

14. Sửa đổi tên Điều 93, khoản 3 và khoản 4 Điều 93 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 93 như sau:

"Điều 93. Tổng biên chế, số lượng, cơ cấu tỷ lệ ngạch Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Số lượng Kiểm sát viên, cơ cấu tỷ lệ các ngạch Kiểm sát viên tại mỗi cấp Viện kiểm sát nhân dân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi có ý kiến của Chính phủ.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Số lượng Kiểm sát viên, cơ cấu tỷ lệ các ngạch Kiểm sát viên tại mỗi cấp Viện kiểm sát quân sự do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng."

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 95 như sau:

"Điều 95. Chế độ tiền lương

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có thang bậc lương riêng.

2. Chế độ tiền lương đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên của Viện kiểm sát nhân dân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Chế độ tiền lương đối với công chức khác, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ tiền lương đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, quân nhân khác, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát quân sự được thực hiện theo chế độ của quân đội."

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 96 như sau:

"2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, quân nhân khác, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát quân sự được hưởng chế độ phụ cấp của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật."

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 97 như sau:

"Điều 97. Trang phục, giấy chứng minh Kiểm sát viên, giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân được cấp trang phục và phù hiệu; Kiểm sát viên được cấp cấp hiệu, giấy chứng minh; Kiểm tra viên được cấp cấp hiệu, giấy chứng nhận để làm nhiệm vụ.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, quân nhân khác, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát quân sự được cấp trang phục theo chế độ của quân đội.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ cấp phát và sử dụng trang phục ngành Kiểm sát nhân dân, phù hiệu, cấp hiệu của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp, của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định hình thức, chất liệu, màu sắc trang phục; chế độ cấp phát và sử dụng trang phục đối với Giám định viên kỹ thuật hình sự, các công chức khác, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân.

3. Giấy chứng minh Kiểm sát viên do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp và quản lý. Hình thức, kích thước, màu sắc của Giấy chứng minh Kiểm sát viên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Giấy chứng nhận Kiểm tra viên do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định, cấp và quản lý."

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 98 như sau:

"3. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, quân nhân khác, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát quân sự được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng."

Điều 51. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2027.

2. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15 (sau đây gọi là Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 52. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ về việc thành lập, sáp nhập hoặc giải thể Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương, Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương, Cơ quan điều tra hình sự khu vực đã được lập và đang thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 nhưng chưa hoàn thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì chuyển Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định theo quy định của Luật này. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

2. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các nguồn tin về tội phạm, vụ việc, vụ án đã được các cơ quan có thẩm quyền điều tra tiếp nhận, thụ lý, giải quyết theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng theo quy định của Luật này thuộc thẩm quyền giải quyết, điều tra của cơ quan khác thì chuyển toàn bộ nguồn tin về tội phạm, vụ việc, vụ án đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

3. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên cao cấp thuộc Cơ quan điều tra quy định tại Luật này đã được bổ nhiệm theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 tiếp tục giữ chức danh đó cho đến hết nhiệm kỳ.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn